

Bản án số: 64/2021/DS-PT.
Ngày: 03-12-2021.
V/v tranh chấp hợp đồng dịch
vụ đóng tàu.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**;
Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Ngôn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ đóng tàu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2021/QĐXXPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đóng tàu B;

Địa chỉ: Lô M, Khu T, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông Lý Tiết D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Xuân T, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Huỳnh Hoài N là Luật sư của Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Trần Văn L, sinh năm 1966;

Địa chỉ: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ;

Địa chỉ: tháp B, số 35 phố H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Doãn Thị Mẫn H, chức vụ: Trưởng phòng Quản lý rủi ro, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh Q. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn Công ty Cổ phần Đóng tàu B và bị đơn ông Trần Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Ngày 18/9/2015, giữa Công ty Cổ phần Đóng tàu B (gọi tắt là Công ty B) và ông Trần Văn L đã ký kết Hợp đồng đóng tàu số 01/HĐKT-ĐT về việc đóng mới tàu vỏ thép hành nghề lưới chum. Theo Hợp đồng, Công ty B đóng mới cho ông Trần Văn L 01 tàu cá vỏ thép hành nghề lưới chum theo thiết kế được duyệt với tổng giá trị là 10.770.567.000 đồng (*các hạng mục máy thủy, ngư lưới cụ do ông L tự mua sắm, không nằm trong giá trị hợp đồng*). Nguồn vốn được thực hiện theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó gồm vốn tự có của ông L và vốn vay của Ngân hàng Cổ phần Đ (B) - Chi nhánh Q. Công ty B đã thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung được thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, do hạng mục máy thủy do ông L mua sắm bị sự cố nên tiến độ giao tàu bị chậm trễ. Mặc dù, không có lỗi trong trường hợp này, nhưng Công ty B đã tích cực khắc phục sự cố, cho ông L mượn tiền để chi trả các khoản chi phí sửa chữa, mua mới hệ thống máy thủy để sớm đưa tàu vào hoạt động.

Ngày 25/12/2017, giữa Công ty B và ông L đã ký biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và tiến hành thanh lý hợp đồng. Theo biên bản thanh lý hợp đồng thì:

- Tổng giá trị quyết toán: 11.231.451.000 đồng.

- Giá trị đã thanh toán: 3.671.497.500 đồng.

- Số tiền còn lại phải thanh toán: 7.559.953.591 đồng.

Ngày 29/12/2017, tại âu thuyền T, thành phố Đ, Công ty B đã bàn giao tàu, Giấy chứng nhận xuất xưởng, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá và Sổ đăng kiểm tàu cá cho ông L. Vợ chồng ông L đã thực hiện việc ký hợp đồng thế chấp con tàu cho B - Chi nhánh Q.

Ngoài ra, trong quá trình vận hành thử tàu, đã xảy ra sự cố máy chính do ông L mua của Công ty Cổ phần Tập đoàn L (gọi tắt là Công ty L), để đảm bảo

cho việc đưa tàu vào vận hành, Công ty B đã cho ông L tạm ứng để khắc phục sự cố máy chính với số tiền 3.523.876.000 đồng, gồm:

- Tiền mua máy chính: 2.070.000.000 đồng.
- Chi phí thay máy chính: 589.876.000 đồng.
- Chi phí sửa tời: 120.000.000 đồng.
- Chi phí bến bãi lưu tàu: 100.000.000 đồng.
- Tiền hỗ trợ tiền dầu của cá nhân Hội đồng quản trị: 600.000.000 đồng.
- Tiền cho tạm ứng để khởi kiện Công ty L: 44.000.000 đồng.

Công ty B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn L phải trả số tiền 9.164.596.000 đồng, gồm các khoản sau:

1. Số tiền còn lại phải thanh toán theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 25/12/2017: 7.559.953.000 đồng (*làm tròn số*).
2. Chi phí thay máy chính: 589.876.000 đồng.
3. Chi phí sửa tời: 120.000.000 đồng.
4. Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (*lãi suất 4%/năm*): 894.767.000 đồng (*làm tròn số*).

Đối với khoản tiền cho mượn để mua lại máy chính 2.070.000.000 đồng, tiền hỗ trợ tiền dầu của cá nhân Hội đồng quản trị 600.000.000 đồng, tiền chi phí bến bãi lưu tàu: 100.000.000 đồng và tiền cho tạm ứng để khởi kiện Công ty L 44.000.000 đồng, Công ty B không yêu cầu vợ chồng ông L trả.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 18/9/2015, ông Trần Văn L đã ký kết Hợp đồng đóng tàu số 01/HĐKT-ĐT về việc đóng mới tàu vỏ thép hành nghề lưới chum với Công ty Cổ phần Đóng tàu B. Nguồn vốn được thực hiện theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó gồm vốn tự có của vợ chồng ông L là 700.000.000 đồng và vốn vay của B - Chi nhánh Q. Công ty B đóng mới cho ông L 01 tàu cá vỏ thép hành nghề lưới chum theo thiết kế được duyệt với tổng giá trị là 10.770.567.000 đồng (*các hạng mục máy thủy, ngư lưới cụ do ông L tự mua sắm, không nằm trong giá trị hợp đồng*).

Đến năm 2016, khi đưa tàu vào chạy thử thì đã xảy ra sự cố máy chính. Việc tranh chấp về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố máy chính kéo dài, đến nay theo bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng Công ty L vẫn chưa thực hiện việc bồi thường.

Ông L thừa nhận, để đảm bảo đưa tàu vào khai thác, Công ty B đã cho ông mượn tiền để mua và lắp đặt lại máy chính. Đến ngày 25/12/2017, hai bên đã ký hợp đồng nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và đến ngày 29/12/2017 lập biên bản bàn giao tàu. Tuy nhiên, đây chỉ là hợp thức thủ tục để B - Chi nhánh Q giải ngân chứ thực tế ông L chưa nhận tàu và tàu đang do Công ty B nắm giữ. Việc

chậm thanh toán là do B - Chi nhánh Q không tiếp tục giải ngân, không có lỗi của vợ chồng ông L.

Vợ chồng ông L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty B, bởi các lý do:

- Đối với số tiền 7.559.953.000 đồng: do hợp đồng đóng tàu giữa ông L và Công ty B là hợp đồng mua bán trọn gói. Vì vậy, ông L không thống nhất với giá trị do Công ty B quyết toán. Giá trị hợp đồng là 10.770.567.000 đồng, ông L đã thanh toán 3.671.497.500 đồng nên số tiền còn lại chưa thanh toán là 7.099.070.000 đồng. Mặt khác, do Công ty B chưa bàn giao tàu cho vợ chồng ông L nên khoản nghĩa vụ này chưa phát sinh.

- Đối với khoản tiền chi phí thay máy chính 589.876.000 đồng và chi phí thay tời 120.000.000 đồng: đây là khoản thiệt hại ngoài hợp đồng, do lỗi của Công ty L và lỗi thiết kế tàu. Trong các cuộc họp, Ban Chỉ đạo Nghị định 67/NĐ-CP của tỉnh Q yêu cầu Công ty B hỗ trợ ông L sửa chữa máy chính, cải hoán tời và Công ty B đã đồng ý. Đây là các khoản hỗ trợ và là trách nhiệm của Công ty L nên Công ty B không thể khởi kiện được.

- Khoản tiền lãi chậm thanh toán: Biên bản thanh lý hợp đồng không ấn định thời gian thanh toán; mặt khác, các thủ tục pháp lý chưa hoàn thành. Do vậy, khoản tiền lãi chậm thanh toán là không có căn cứ.

Đây là khoản vay theo chủ trương của Đảng và Nhà nước về đánh bắt hải sản xa bờ, thế chấp tài sản hình thành trong tương lai và vợ chồng ông L đã ký hợp đồng thế chấp con tàu cho B - Chi nhánh Q. Tuy nhiên, việc B - Chi nhánh Q không tiếp tục giải ngân đã làm ảnh hưởng việc khai thác tàu. Vì vậy, cần làm rõ trách nhiệm của B - Chi nhánh Q.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ trình bày:

Thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ, B - Chi nhánh Q cấp vốn cho hộ ông Trần Văn L đóng mới tàu cá để đánh bắt xa bờ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7250053/HĐTD ngày 21/9/2015 với số vốn cam kết cho vay là 14.530.000.000 đồng. B - Chi nhánh Q đã giải ngân cho ông L số tiền 7.679.135.500 đồng. Khoản nợ vay được bảo đảm theo hình thức thế chấp tài sản hình thành trong tương lai. Hiện tại, tàu Q.TS và các trang thiết bị kèm theo của vợ chồng ông Trần Văn L đang được thế chấp cho B - Chi nhánh Q để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của khoản vay trên và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng. Hiện nay, B - Chi nhánh Q không thể tiếp tục giải ngân cho ông L với các lý do: trước đó, B - Chi nhánh Q không nhận được đơn đề nghị giải ngân của ông L. Đây là khoản vay có nhiều rủi ro, hơn nữa ông L không thiện chí; theo Nghị định 17/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 67/2014/NĐ-CP thì các khoản vay lãi suất ưu đãi đã dừng giải ngân vào ngày 31/12/2018, sau ngày này thì áp dụng theo lãi suất thông thường, nhưng ông L không chấp nhận mức lãi suất này.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào các Điều 430, 433, 440 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đóng tàu B, buộc ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Cổ phần Đóng tàu B các khoản tiền nợ của Hợp đồng kinh tế số 01/2015/HĐKT ngày 18/9/2015 về việc đóng mới tàu đánh cá số hiệu Q.TS, như sau:

- Số tiền còn lại phải thanh toán theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 25/12/2017 là 7.559.953.000 đồng.

- Số tiền tạm ứng để thay tời là 120.000.000 đồng.

Tổng cộng là: 7.679.953.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đóng tàu B về việc buộc ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị T trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 25/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 894.767.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc vợ chồng ông L, bà T hoàn trả chi phí để khắc phục sự cố, lắp đặt máy mới với tổng số tiền 589.876.000 đồng và trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 25/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 894.767.110 đồng. Bị đơn ông Trần Văn L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của các đương sự, huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án; người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo nội dung kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đóng tàu B và bị đơn ông Trần Văn L thì thấy:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là không đúng. Bởi lẽ, theo Hợp đồng đóng tàu số 01/HĐKT-ĐT ngày 18/9/2015 mà 02 bên đã ký kết thì Công ty Cổ phần Đóng tàu B thực hiện công việc đóng mới hoàn chỉnh cho ông Trần Văn L 01 tàu đánh cá nghề lưới chum theo hồ sơ thiết kế do ông L cung cấp *(đã được Trung tâm Đăng kiểm tàu cá - Tổng cục Thủy sản phê duyệt)* và ông L thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần Đóng tàu B theo nhiều đợt, sau khi nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành; đồng thời, ông L chịu trách nhiệm tự mua, cung cấp máy thủy và ngư lưới cụ cho Công ty Cổ phần Đóng tàu B. Do đó, Hợp đồng nêu trên không phải là hợp đồng mua bán tài sản mà là hợp đồng dịch vụ được quy định tại Điều 518 của Bộ luật Dân sự năm 2005 *(tại thời điểm ký kết hợp đồng, Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành)*. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ đóng tàu”.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đóng tàu B về việc buộc bị đơn ông Trần Văn L thanh toán khoản tiền chi phí thay máy chính là 589.876.000 đồng: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định có liên quan đến Công ty Cổ phần Tập đoàn L nên tách ra để giải quyết trong vụ án dân sự khác nếu Công ty Cổ phần Đóng tàu B có yêu cầu là không đúng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bởi vì, đây là chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng đóng tàu giữa Công ty Cổ phần Đóng tàu B với ông Trần Văn L, đã được ông L đồng ý ủy quyền cho Công ty Cổ phần Đóng tàu B mua máy thủy để tiến hành lắp đặt lên tàu Q.TS theo Giấy ủy quyền ngày 27/10/2017 *(BL 44)*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm phải xem xét, giải quyết để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứ không được tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Nếu giữa ông Trần Văn L với Công ty Cổ phần Tập đoàn L có tranh chấp liên quan đến khoản chi phí này thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

[2.3] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như đã nêu trên, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên

đơn, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[2.4] Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với: khoản tiền nguyên đơn cho mượn để mua máy chính: 2.070.000.000 đồng, khoản tiền hỗ trợ tiền dầu của cá nhân Hội đồng quản trị: 600.000.000 đồng, khoản tiền chi phí bến bãi lưu tàu: 100.000.000 đồng và khoản tiền tạm ứng để khởi kiện Công ty Cổ phần Tập đoàn L: 44.000.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút là thiếu sót, không đúng với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.5] Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét các nội dung kháng cáo khác của nguyên đơn và bị đơn.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho người kháng cáo số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đóng tàu B, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần Đóng tàu B và ông Trần Văn L không phải chịu. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Đóng tàu B và ông Trần Văn L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi bên đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005801 ngày 01/02/2021 (*do ông Nguyễn Xuân T nộp*) và số 0005802 ngày 08/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (03/12/2021).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo

- Lưu hồ sơ vụ án.